

PHẦN 2: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

Mô tả khái quát về dự án và gói thầu:

- *Gói thầu:* Gói thầu số 04/TVGS: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình ĐTXD năm 2026 khu vực Tây Gia Lai - Số 4.

- *Tên dự án:*

1. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Prông Tỉnh Gia Lai năm 2026.
2. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Puh Tỉnh Gia Lai năm 2026.
3. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Sê Tỉnh Gia Lai năm 2026.
4. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Đúc Cơ Tỉnh Gia Lai năm 2026.
5. Hoàn thiện lưới điện trung áp đầu nối sau TBA 110kV Pleime năm 2026.
6. Chống quá tải và giảm TTĐN cho các TBA khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai năm 2026.

- *Tên bên mời thầu:* Công ty Điện lực Gia lai.

- *Quy mô dự kiến:*

1. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Prông Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp: 2,386 Km.

+ *Xây dựng mới:* 2,266 Km.

+ *Cải tạo:* 0,12 Km.

* Đường dây hạ áp: 18,034 Km.

+ *Xây dựng mới:* 7,075 Km.

+ *Cải tạo:* 10,959 Km

* Trạm biến áp: 18/3.730 Trạm/KVA.

+ *Xây dựng mới:* 9/1.330 Trạm/KVA.

+ *Cải tạo Nâng dung lượng:* 6/1.650 Trạm/KVA.

+ *Cải tạo di dời:* 3/750 Trạm/KVA.

2. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Puh Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp 22kV: 1,669 km.

+ *ĐZTA nổi XDM:* 1,469 km.

+ *ĐZTA ngầm XDM:* 0,200 km.

* Đường dây hạ áp 0,4kV: 10,738 km.

+ *ĐZHA 0,4kV XDM độc lập:* 2,858 km.

+ *ĐZHA 0,4kV cải tạo:* 7,483 km.

* Trạm biến áp: 11/1.850 kVA.

+ *TBA XDM:* 09/1.530 kVA.

+ *TBA di dời:* 02/320 kVA.

* Công tơ:

- + Di dời công tơ 1P: 133 cái.
- + Di dời thùng 4 công tơ 1P: 48 cái.
- + Thùng 4 công tơ 1P lắp mới: 61 cái.

3. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Sê Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp 22kV : 4.482 mét, trong đó:

- + Đường dây trung áp 22kV xây dựng mới : 3.998 mét.
- + Đường dây trung áp 22kV cải tạo : 484 mét.

* Đường dây trung áp 35kV : 280 mét, trong đó:

- + Đường dây trung áp 35kV xây dựng mới : 280 mét.

* Đường dây hạ áp 0,4kV : 11.924 mét, trong đó:

- + Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới độc lập : 8.862 mét.
- + Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới kết hợp : 1.559 mét.
- + Đường dây hạ áp 0,4kV cải tạo : 1.503 mét.

* TBA xây dựng mới/nâng dung lượng, di dời: 15trạm/ 1.720 kVA cụ thể như sau:

Xây dựng mới 10 trạm/1880kVA:

- + TBA công suất 250 kVA-35(22)/0,4kV : 01 trạm.
- + TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.
- + TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 07 trạm.
- + TBA công suất 100 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.

Nâng dung lượng 05 trạm/ 810kVA:

- + TBA công suất 50 kVA-22/2x0,23kV : 01 trạm.
- + TBA công suất 100 kVA-12,7/2x0,23kV : 01 trạm.
- + TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.
- + TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 02 trạm.

* Công tơ : Di dời công tơ 1P: 87 cái.

4. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Đức Cơ Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp: 2,062 km.

- + Xây dựng mới: 0 km.
- + Cải tạo: 2,062 km.

* Đường dây hạ áp: 5,682 km.

- + Xây dựng mới: 2,433 km.
- + Cải tạo: 3,249

* Trạm biến áp: 20/3.755 Trạm/kVA.

- + Xây dựng mới: 7/800 Trạm/kVA.
- + Cải tạo: 13/2955 Trạm/kVA.

5. Hoàn thiện lưới điện trung áp đầu nối sau TBA 110kV Pleime năm 2026:

* Đường dây trung áp : 11,31 Km.

- + Xây dựng mới : 0,691 Km.

Đường dây mạch kép đi ngầm : 0,091 Km.

Đường dây mạch kép đi nổi : 0,600 Km.

+ Cải tạo : 10,619 Km.

** Lắp đặt thiết bị đóng cắt : 02 Dao cắt có tải 22kV (LBS 24 kV).*

** Lắp đặt dây thứ tư : 2,26 Km.*

6. Chống quá tải và giảm TTĐN cho các TBA khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai năm 2026:

** Đường dây trung áp: 4,381 Km*

+ Xây dựng mới: 4,381 Km

+ Cải tạo: 0 Km

** Đường dây hạ áp: 9,174 Km*

+ Xây dựng mới: 8,789 Km

+ Cải tạo: 0,385 Km

** Trạm biến áp: 30 / 6.270 Trạm/KVA*

+ Xây dựng mới: 21 / 4.170 Trạm/KVA

+ Cải tạo nâng dung lượng: 6 / 1.500 Trạm/KVA

+ Cải tạo di dời: 3 / 600 Trạm/KVA.

- Địa điểm xây dựng: các xã khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai.

Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Thực hiện Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình với quy mô:

1. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Prông Tỉnh Gia Lai năm 2026:

** Đường dây trung áp: 2,386 Km.*

+ Xây dựng mới: 2,266 Km.

+ Cải tạo: 0,12 Km.

** Đường dây hạ áp: 18,034 Km.*

+ Xây dựng mới: 7,075 Km.

+ Cải tạo: 10,959 Km

** Trạm biến áp: 18/3.730 Trạm/KVA.*

+ Xây dựng mới: 9/1.330 Trạm/KVA.

+ Cải tạo Nâng dung lượng: 6/1.650 Trạm/KVA.

+ Cải tạo di dời: 3/750 Trạm/KVA.

2. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Puh Tỉnh Gia Lai năm 2026:

** Đường dây trung áp 22kV: 1,669 km.*

+ ĐZTA nổi XDM: 1,469 km.

+ ĐZTA ngầm XDM: 0,200 km.

** Đường dây hạ áp 0,4kV: 10,738 km.*

+ ĐZHA 0,4kV XDM độc lập: 2,858 km.

+ ĐZHA 0,4kV cải tạo: 7,483 km.

* Trạm biến áp: 11/1.850 kVA.

+ TBA XDM: 09/1.530 kVA.

+ TBA di dời: 02/320 kVA.

* Công tơ:

+ Di dời công tơ 1P: 133 cái.

+ Di dời thùng 4 công tơ 1P: 48 cái.

+ Thùng 4 công tơ 1P lắp mới: 61 cái.

3. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Sê Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp 22kV: 4.482 mét, trong đó:

+ Đường dây trung áp 22kV xây dựng mới : 3.998 mét.

+ Đường dây trung áp 22kV cải tạo : 484 mét.

* Đường dây trung áp 35kV: 280 mét, trong đó:

+ Đường dây trung áp 35kV xây dựng mới : 280 mét.

* Đường dây hạ áp 0,4kV: 11.924 mét, trong đó:

+ Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới độc lập : 8.862 mét.

+ Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới kết hợp : 1.559 mét.

+ Đường dây hạ áp 0,4kV cải tạo : 1.503 mét.

* TBA xây dựng mới/nâng dung lượng, di dời: 15trạm/ 1.720 kVA cụ thể như sau:

Xây dựng mới 10 trạm/1880kVA:

+ TBA công suất 250 kVA-35(22)/0,4kV : 01 trạm.

+ TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.

+ TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 07 trạm.

+ TBA công suất 100 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.

Nâng dung lượng 05 trạm/ 810kVA:

+ TBA công suất 50 kVA-22/2x0,23kV : 01 trạm.

+ TBA công suất 100 kVA-12,7/2x0,23kV : 01 trạm.

+ TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.

+ TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 02 trạm.

* Công tơ: Di dời công tơ 1P: 87 cái.

4. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Đức Cơ Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp: 2,062 km.

+ Xây dựng mới: 0 km.

+ Cải tạo: 2,062 km.

* Đường dây hạ áp: 5,682 km.

+ Xây dựng mới: 2,433 km.

+ Cải tạo: 3,249

* Trạm biến áp: 20/3.755 Trạm/kVA.

+ Xây dựng mới: 7/800 Trạm/kVA.

+ Cải tạo: 13/2955 Trạm/kVA.

5. Hoàn thiện lưới điện trung áp đầu nối sau TBA 110kV Pleime năm 2026:

* Đường dây trung áp: 11,31 Km.

+ *Xây dựng mới* : 0,691 Km.

Đường dây mạch kép đi ngầm : 0,091 Km.

Đường dây mạch kép đi nổi : 0,600 Km.

+ *Cải tạo* : 10,619 Km.

* Lắp đặt thiết bị đóng cắt: 02 Dao cắt có tải 22kV (LBS 24 kV).

* Lắp đặt dây thứ tư: 2,26 Km.

6. Chống quá tải và giảm TTĐN cho các TBA khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp: 4,381 Km

+ *Xây dựng mới*: 4,381 Km

+ *Cải tạo*: 0 Km

* Đường dây hạ áp: 9,174 Km

+ *Xây dựng mới*: 8,789 Km

+ *Cải tạo*: 0,385 Km

* Trạm biến áp: 30 / 6.270 Trạm/KVA

+ *Xây dựng mới*: 21 / 4.170 Trạm/KVA

+ *Cải tạo nâng dung lượng*: 6 / 1.500 Trạm/KVA

+ *Cải tạo di dời*: 3 / 600 Trạm/KVA.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).

a) Phạm vi công việc: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình với quy mô:

1. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Prông Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp: 2,386 Km.

+ *Xây dựng mới*: 2,266 Km.

+ *Cải tạo*: 0,12 Km.

* Đường dây hạ áp: 18,034 Km.

+ *Xây dựng mới*: 7,075 Km.

+ *Cải tạo*: 10,959 Km

* Trạm biến áp: 18/3.730 Trạm/KVA.

+ *Xây dựng mới*: 9/1.330 Trạm/KVA.

+ *Cải tạo Nâng dung lượng*: 6/1.650 Trạm/KVA.

+ *Cải tạo di dời*: 3/750 Trạm/KVA.

2. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Puh Tỉnh Gia Lai năm 2026:

* Đường dây trung áp 22kV: 1,669 km.

+ *ĐZTA nổi XDM*: 1,469 km.

- + *DZTA ngầm XDM: 0,200 km.*
 - * Đường dây hạ áp 0,4kV: 10,738 km.
 - + *DZHA 0,4kV XDM độc lập: 2,858 km.*
 - + *DZHA 0,4kV cải tạo: 7,483 km.*
 - * Trạm biến áp: 11/1.850 kVA.
 - + *TBA XDM: 09/1.530 kVA.*
 - + *TBA di dời: 02/320 kVA.*
 - * Công tơ:
 - + *Di dời công tơ 1P: 133 cái.*
 - + *Di dời thùng 4 công tơ 1P: 48 cái.*
 - + *Thùng 4 công tơ 1P lắp mới: 61 cái.*
3. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Sê Tỉnh Gia Lai năm 2026:
- * Đường dây trung áp 22kV : 4.482 mét, trong đó:
 - + *Đường dây trung áp 22kV xây dựng mới : 3.998 mét.*
 - + *Đường dây trung áp 22kV cải tạo : 484 mét.*
 - * Đường dây trung áp 35kV: 280 mét, trong đó:
 - + *Đường dây trung áp 35kV xây dựng mới : 280 mét.*
 - * Đường dây hạ áp 0,4kV: 11.924 mét, trong đó:
 - + *Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới độc lập : 8.862 mét.*
 - + *Đường dây hạ áp 0,4kV xây dựng mới kết hợp : 1.559 mét.*
 - + *Đường dây hạ áp 0,4kV cải tạo : 1.503 mét.*
 - * TBA xây dựng mới/nâng dung lượng, di dời: 15trạm/ 1.720 kVA cụ thể như sau:
 Xây dựng mới 10 trạm/1880kVA:
 - + *TBA công suất 250 kVA-35(22)/0,4kV : 01 trạm.*
 - + *TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.*
 - + *TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 07 trạm.*
 - + *TBA công suất 100 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.*
 - Nâng dung lượng 05 trạm/ 810kVA:
 - + *TBA công suất 50 kVA-22/2x0,23kV : 01 trạm.*
 - + *TBA công suất 100 kVA-12,7/2x0,23kV : 01 trạm.*
 - + *TBA công suất 160 kVA-22/0,4kV : 01 trạm.*
 - + *TBA công suất 250 kVA-22/0,4kV : 02 trạm.*
 - * Công tơ: Di dời công tơ 1P: 87 cái.
4. Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Đức Cơ Tỉnh Gia Lai năm 2026:
- * Đường dây trung áp: 2,062 km.
 - + *Xây dựng mới: 0 km.*
 - + *Cải tạo: 2,062 km.*
 - * Đường dây hạ áp: 5,682 km.
 - + *Xây dựng mới: 2,433 km.*

- + *Cải tạo: 3,249*
- * Trạm biến áp: 20/3.755 Trạm/kVA.
 - + *Xây dựng mới: 7/800 Trạm/kVA.*
 - + *Cải tạo: 13/2955 Trạm/kVA.*
- 5. Hoàn thiện lưới điện trung áp đầu nối sau TBA 110kV Pleime năm 2026:
 - * Đường dây trung áp: 11,31 Km.
 - + *Xây dựng mới : 0,691 Km.*
 - Đường dây mạch kép đi ngầm : 0,091 Km.*
 - Đường dây mạch kép đi nổi : 0,600 Km.*
 - + *Cải tạo : 10,619 Km.*
 - * Lắp đặt thiết bị đóng cắt: 02 Dao cắt có tải 22kV (LBS 24 kV).
 - * Lắp đặt dây thứ tư: 2,26 Km.
- 6. Chống quá tải và giảm TTĐN cho các TBA khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai năm 2026:
 - * Đường dây trung áp: 4,381 Km
 - + *Xây dựng mới: 4,381 Km*
 - + *Cải tạo: 0 Km*
 - * Đường dây hạ áp: 9,174 Km
 - + *Xây dựng mới: 8,789 Km*
 - + *Cải tạo: 0,385 Km*
 - * Trạm biến áp: 30 / 6.270 Trạm/KVA
 - + *Xây dựng mới: 21 / 4.170 Trạm/KVA*
 - + *Cải tạo nâng dung lượng: 6 / 1.500 Trạm/KVA*
 - + *Cải tạo di dời: 3 / 600 Trạm/KVA.*

b) Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Vốn vay thương mại và Khấu hao cơ bản CPC.

c) Cơ quan thực hiện dự án:

- **Chủ đầu tư:** Công ty Điện lực Gia lai.
- **Quản lý dự án:** Công ty Điện lực Gia Lai.

d) Tiến độ thực hiện: năm 2026.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn. Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia.

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện;

b) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng;

c) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây

dựng công trình;

d) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu thi công so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt;

đ) Xem xét và chấp thuận các nội dung do nhà thầu thi công trình quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng;

e) Cùng với chủ đầu tư tham gia Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

h) Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

i) Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

k) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

l) Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định này;

m) Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

n) Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định;

o) Chủ trì thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu không tải công trình. Tham gia nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định và nghiệm thu có tải. Kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

p. Nhà thầu thực hiện giám sát này phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của công việc thực hiện giám sát. Tùy theo quy mô, tính chất, kỹ thuật của công trình, cơ cấu nhân sự của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát trưởng và các giám sát viên. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng của tổ chức nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và cấp công trình.

q) Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình phải độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng và các nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình;

r) Nhà thầu giám sát thi công xây dựng không được tham gia kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát;

s) Nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình không được tham gia kiểm định chất lượng sản phẩm có liên quan đến vật tư, thiết bị do mình cung cấp.

t) Cùng với chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện các thủ tục đền bù, cấp phép thi công.

u) Phối hợp với Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng trong việc xác định khối lượng thu hồi, quá trình thu hồi.

v) Do tính chất công trình lưới điện có chụp ảnh và lưu trên chương trình IMIS 2.0 của chủ đầu tư:

Cán bộ giám sát của Nhà thầu phải được đăng ký SIM CA để phục vụ công tác nghiệm thu, ký số điện tử trên hệ thống IMIS 2 của Chủ đầu tư.

Nhà thầu giám sát có trách nhiệm giám sát, đôn đốc các Nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã được đề ra, đảm bảo chất lượng và an toàn của công trình, hạng mục công trình, gói thầu. Báo cáo tình hình thi công các phần công việc, hạng mục công trình để Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo qui định. Thực hiện chụp ảnh phần móng, cột, cột thép, các kết cấu chịu lực, phần che khuất, ... Ảnh phải thể hiện rõ: Tên cấu kiện/hạng mục/công trình/gói thầu, vị trí, kích thước hố móng, kích thước móng, cốt thép, thời gian, tọa độ GPS theo đúng quy định; Lưu file ảnh, đặt tên một cách khoa học để phục vụ công tác quản lý lâu dài và sử dụng khi cần thiết.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: ngay sau khi ký hợp đồng dịch vụ tư vấn.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.

-Nộp Báo cáo giám sát hàng tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

-Tiến độ báo cáo tuần: Thực hiện hàng tuần kể từ ngày phát lệnh khởi công.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí.

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu được nêu cụ thể tại Nội dung số 3 (Nhân sự chủ chốt) trong Bảng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của E-HSĐT (Mục 2, Chương III) và Phụ lục kèm theo.

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

- Cung cấp tài liệu liên quan của dự án hiện có.

- Bên mời thầu sẽ cung cấp hồ sơ báo cáo khảo sát và Thiết kế bản vẽ thi công công trình.

- Bản chụp các hồ sơ pháp lý liên quan đến ĐTXD công trình gồm: Quyết định phê duyệt TKBVTCCT; Văn bản thẩm định Hồ sơ TKBVTCCT; Giấy phép thi công (nếu có); Hợp đồng thi công xây lắp hoặc quyết định giao nhiệm vụ thi công xây lắp.

PHỤ LỤC 1.BDL:

TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM NHÀ THẦU

Nhà thầu đính kèm E-HSDT tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm nhà thầu:

TT	Nội dung tài liệu	Năng lực và kinh nghiệm giám sát
I	Năng lực và kinh nghiệm thực hiện gói thầu có tính chất tương tự	
1	Bảng liệt kê cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu theo Mẫu số 4 - Chương IV	X
2	Các tài liệu chứng minh nhà thầu đã thực hiện các gói thầu có tính chất tương tự:	
2.1	Hợp đồng dịch vụ tư vấn	X
2.2	Quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế hoặc các tài liệu khác chứng minh quy mô, tính chất hợp đồng tương tự	X
2.3	Biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn	X
2.4	Thông tin về hóa đơn, thanh toán theo quy định của pháp luật	X

PHỤ LỤC 2.BDL:
TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
CỦA NHÂN SỰ TƯ VẤN

Nhà thầu đính kèm E-HSDT tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhân sự tham gia thực hiện gói thầu:

- **Đối với Giám sát trưởng:**

TT	Nội dung tài liệu	Giám sát trưởng
I	Năng lực	
1	Lý lịch chuyên gia theo mẫu số 7	X
2	Chứng chỉ hành nghề giám sát hạng III trở lên có lĩnh vực phù hợp với gói thầu	X
3	Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia	X
4	Có chứng nhận/chứng chỉ qua đào tạo huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.	X
II	Kinh nghiệm	
	Công trình mà nhân sự của nhà thầu đã thực hiện:	
1	Hợp đồng dịch vụ tư vấn	X
2	Biên bản nghiệm thu hoặc hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hoặc xác nhận của chủ đầu tư chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện với chức danh tương ứng, đã hoàn thành sản phẩm tư vấn. Trường hợp nhân sự trong hợp đồng khác so với nhân sự trong nghiệm thu công việc hoàn thành/Biên bản thanh lý hoặc xác nhận của Chủ đầu tư thì nhà thầu phải cung cấp văn bản xác nhận của Chủ đầu tư chấp nhận thay đổi nhân sự trong quá trình thực hiện hợp đồng	X

- **Đối với Cán bộ giám sát phần xây dựng, Cán bộ giám sát phần phần điện:**

TT	Nội dung tài liệu	Cán bộ giám sát phần xây dựng	Cán bộ giám sát phần phần điện
I	Năng lực		
1	Lý lịch chuyên gia theo mẫu số 7	X	X
2	Chứng chỉ hành nghề giám sát hạng III trở lên có lĩnh vực phù hợp với vị trí đảm nhận	X	X
3	Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia	X	X
4	Có chứng nhận/chứng chỉ qua đào tạo huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.	X	X
II	Kinh nghiệm		
	Công trình mà nhân sự của nhà thầu đã thực hiện:		

TT	Nội dung tài liệu	Cán bộ giám sát phần xây dựng	Cán bộ giám sát phần phần điện
1	Hợp đồng dịch vụ tư vấn	X	X
2	Biên bản nghiệm thu hoặc hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hoặc xác nhận của chủ đầu tư chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện với chức danh tương ứng, đã hoàn thành sản phẩm tư vấn. Trường hợp nhân sự trong hợp đồng khác so với nhân sự trong nghiệm thu công việc hoàn thành/Biên bản thanh lý hoặc xác nhận của Chủ đầu tư thì nhà thầu phải cung cấp văn bản xác nhận của Chủ đầu tư chấp nhận thay đổi nhân sự trong quá trình thực hiện hợp đồng	X	X

*** Hướng dẫn về công trình tương tự của nhà thầu, nhân sự:**

1. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSMT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.

2. X: Các chức danh nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh trong E-HSMT.

3. Tài liệu chứng minh phải là scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực.

4. Gói thầu nhà thầu đã thực hiện có tính chất tương tự với gói thầu đang xét là gói thầu tương tự về nội dung công việc và tính chất công trình, cụ thể:

a. Tương tự về nội dung công việc:

- Gói thầu đang xét gồm: Tư vấn giám sát thi công công trình thì gói thầu tương tự đã thực hiện phải bao gồm các công việc Tư vấn giám sát thi công công trình.

b. Tương tự về tính chất công trình:

- Gói thầu đang xét là Công trình lưới điện cấp IV trở lên (đường dây kết cấu dạng cột và TBA có cấp điện áp từ 0,4kV trở lên) thì yêu cầu gói thầu tương tự là gói thầu Công trình lưới điện cấp IV trở lên (đường dây kết cấu dạng cột và TBA có cấp điện áp từ 0,4kV trở lên);

5. Công trình tương tự mà nhân sự đã thực hiện: Là công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét, cụ thể:

- Chức danh Giám sát trưởng, Cán bộ giám sát phần điện:

+ Gói thầu đang xét gồm Công trình lưới điện cấp IV trở lên (đường dây kết cấu dạng cột và TBA có cấp điện áp từ 0,4kV trở lên) thì công trình tương tự là Công trình lưới điện cấp IV trở lên (đường dây kết cấu dạng cột và TBA có cấp điện áp từ 0,4kV trở lên).

- Cán bộ giám sát phần xây dựng:

+ Gói thầu đang xét gồm Công trình lưới điện cấp IV trở lên có thi công móng, cột bê tông cốt thép thì công trình tương tự là Công trình Công nghiệp hoặc Hạ tầng kỹ thuật hoặc công trình khác cấp IV trở lên có liên quan đến xây dựng công trình.

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ E-HSDT TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LIÊN DANH
(Bảng số 01 Webform - Chương III):

I/ Nguyên tắc chung đánh giá, chấm điểm:

- Từng thành viên liên danh phải đáp ứng tính hợp lệ của E-HSDT.
- E-HSDT nhà thầu liên danh được đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi: (i) từng thành viên liên danh có tổng điểm kỹ thuật không thấp hơn 70% điểm tối đa nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh) và (ii) từng thành viên liên danh có mức điểm điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết (tại mục số 1, 3, 4 bảng số 01 Webform chương III) không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết đó nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh), theo phương pháp chấm điểm như mục II dưới đây.
- Điểm chấm nhà thầu liên danh bằng tổng điểm các thành viên liên danh.

II/ Phương pháp chấm điểm:

1/ Chấm điểm kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (mục 1 bảng số 01 Webform chương III):

- (i) Từng thành viên liên danh được đánh giá, chấm điểm theo nguyên tắc:
 - (i.1) Quy đổi thang điểm chi tiết và số gói thầu tương tự yêu cầu của các thành viên theo tỷ lệ % trong thỏa thuận liên danh, không làm tròn số thập phân (nếu có).
 - (i.2) Chấm điểm từng thành viên liên danh trên cơ sở số lượng gói thầu tương tự chào thầu đáp ứng của thành viên liên danh so với gói thầu quy đổi (tại mục i.1)- trường hợp gói thầu quy đổi có giá trị thập phân: áp dụng giá trị cận trên gần nhất để làm cơ sở tính điểm; trường hợp cận trên và cận dưới gói thầu quy đổi so với số lượng gói thầu tương tự đáp ứng chào thầu của thành viên liên danh bằng nhau, áp dụng giá trị cận trên để làm cơ sở chấm điểm.

(ii) Điểm nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

2/ Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (mục 2):

- (i) Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của từng thành viên liên danh theo thang điểm (mục 2 bảng số 01 Webform chương III).
- (ii) Quy đổi điểm chấm của từng thành viên liên danh trên cơ sở điểm của thành viên liên danh nhân (x) với tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.
- (ii) Điểm của nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

3/ Chấm điểm giải pháp và phương pháp luận: Đánh giá trên cơ sở Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất

- (i) Chấm điểm nhà thầu liên danh dựa trên Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất theo thang điểm (mục 3 bảng số 01 Webform chương III).
- (ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân (mục i) với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

4/ Chấm điểm nhân sự chủ chốt: Đánh giá trên cơ sở cơ sở đề xuất, tài liệu của nhà thầu liên danh

- (i) Chấm điểm từng vị trí nhân sự chủ chốt của nhà thầu liên danh dựa trên đề xuất của nhà thầu liên danh theo thang điểm (mục 4 bảng số 01 Webform chương III).
- (ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ GÓI THẦU

Gói thầu số 04/TVGS: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình ĐTXD năm 2026 khu vực Tây Gia Lai - Số 4

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt KHLCNT	Tổng mức đầu tư sau thuế	Chi phí xây dựng + thiết bị sau thuế	Chi phí tư vấn giám sát trước thuế	Thuế VAT 10%	Chi phí tư vấn giám sát sau thuế 10%
1	Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Prông Tỉnh Gia Lai năm 2026	QĐ số: 4372/QĐ-GLPC ngày 13/11/2025	13.562.284.827	11.109.004.280	261.226.165	26.122.617	287.348.782
2	Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Puh Tỉnh Gia Lai năm 2026	QĐ số: 4314/QĐ-GLPC ngày 12/11/2025	8.923.042.525	7.260.930.601	183.843.553	18.384.355	202.227.908
3	Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Chư Sê Tỉnh Gia Lai năm 2026	QĐ số: 4363/QĐ-GLPC ngày 13/11/2025	14.219.069.178	11.586.762.082	295.562.415	29.556.242	325.118.657
4	Hoàn thiện lưới điện THA khu vực Đức Cơ Tỉnh Gia Lai năm 2026	QĐ số: 4320/QĐ-GLPC ngày 12/11/2025	8.859.660.350	7.285.267.222	148.065.397	14.806.540	162.871.937
5	Hoàn thiện lưới điện trung áp đầu nối sau TBA 110kV Pleime năm 2026	QĐ số: 4366/QĐ-GLPC ngày 13/11/2025	11.926.785.879	9.692.380.956	290.983.975	29.098.397	320.082.372
6	Chống quá tải và giảm TĐN cho các TBA khu vực phía Tây tỉnh Gia Lai năm 2026	QĐ số: 4364/QĐ-GLPC ngày 13/11/2025	19.746.212.906	16.713.985.451	371.898.916	37.189.892	409.088.808
Tổng cộng			77.237.055.665	63.648.330.592	1.551.580.422	155.158.042	1.706.738.464

Ghi chú: Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn thực hiện gói thầu, Bên mời thầu tạm xác định mức thuế GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Bên mời thầu sẽ tính toán đơn giá hàng hóa chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu.